

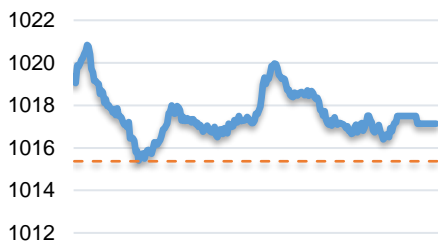
Market Today: Khối ngoại tiếp tục mua ròng mạnh

28/09/2018

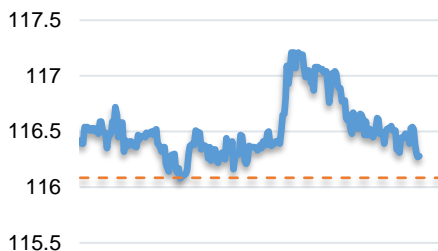
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,017.13	116.28	54.21
% ngày	0.17	0.17	0.03
% tuần	1.41	0.42	1.34
% tháng	2.20	3.60	5.72
% năm	26.38	8.24	0.09
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	4,234	790	407
Hôm qua	4,549	742	471
TB 1 tháng	3,847	634	292
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	1,397.90	22.13	68.72
Bán	1,177.28	16.06	58.61
Giá trị ròng	220.62	6.07	10.11
Độ rộng TT			
Mã Tăng	143	96	100
Mã Giảm	143	83	86
Không Đổi	67	205	548
Chỉ số chính			
P/E	18.3x	11.1x	8.6x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,249	204	972
LS Cổ tức	2.07	2.33	4.33

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

TTCK châu Á tiếp tục có diễn biến tích cực với chỉ số Shanghai tăng hơn 1%. Đối với Việt Nam thì dòng vốn ngoại hỗ trợ mạnh cho sự tăng điểm của thị trường khi tổng giá trị giao dịch khối ngoại chiếm khoảng 20% tổng giao dịch. Hơn 230 tỷ đồng được đầu tư ròng của khối ngoại vào Việt Nam và những mã được mua ròng lớn như HPG, STB, VRE, DXG, POW...

Thị trường Việt Nam cũng giao dịch khá tích cực về chỉ số lẫn thanh khoản trong phiên khi cả 2 chỉ số HNX-Index và chỉ số VN-Index đóng cửa ở trên mức tham chiếu và tăng thêm 0.17%. Chỉ số VN-Index dừng lại ở mức 1,017 điểm và chỉ số HNX-Index chốt tại 116 điểm. Sau phiên cơ cấu của các quỹ ETF thì thanh khoản của thị trường có sự tăng vọt khi tổng giá trị giao dịch trên toàn thị trường trên 7,400 tỷ đồng.

Phiên cuối tháng có nhiều biến động đặc biệt ở nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc giữ đà tích cực của thị trường chung. Nhiều cổ phiếu thuộc nhóm ngành này đã tăng giá mạnh. VPB phiên hôm nay tăng 2.1%, STB bất ngờ tăng trần, BID tăng 1.6%. Ngoài ra còn có những cổ phiếu trụ cột như PNJ, SAB, VHM, VRE... đều tăng giá mạnh. Ở chiều ngược lại nhóm ngành dầu khí lại giảm điểm trong phiên khiến cho thị trường không tăng quá nóng.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ điều chỉnh trong phiên giao dịch đầu tuần tới với mức hỗ trợ gần nhất là 1,000 điểm của chỉ số VN-Index và 113.6 điểm của chỉ số HNX-Index. Đồng thời, theo mô hình định lượng của chúng tôi, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng về gần mức đỉnh ngắn hạn và thường thị trường sẽ đối mặt với áp lực điều chỉnh sau đó cho thấy cơ hội giải ngân mới đang thu hẹp dần và cảnh báo thận trọng trong việc mua mới để tránh rủi ro T+3. Ngoài ra, các chỉ số chính giao dịch gần đường trung bình 200 ngày, đây là vùng kháng cự ngắn hạn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức cắt lỗ của hệ thống ở mức 995.42 điểm của chỉ số VN-Index và 112.94 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể hạn chế mua mới để tránh rủi ro T+3 và có thể xem xét lướt sóng bằng cách bán cao và chờ mua thấp ở nhịp điều chỉnh.

Theo đồ thị tuần, thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy và có sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu khi dòng tiền vẫn chủ yếu tập trung ở nhóm Midcaps và Smallcaps. Đồng thời, tỷ trọng cổ phiếu vẫn duy trì trên mức 50% cho thấy trạng thái tích lũy có thể sẽ còn tiếp diễn trong tuần giao dịch tới. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư trung hạn có thể xem xét tích lũy để nâng tỷ trọng cổ phiếu lên mức cân bằng như tỷ trọng khuyến nghị.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 76% cổ phiếu/24% tiền mặt.

Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 54% cổ phiếu/46% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	1,000	1,044	955	890
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	TĂNG	120.5	126.5	110.5	103.5



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.50	TĂNG	GIẢM	17.70	17.07	-1.13%			19.57		
ACB	34.10	TĂNG	GIẢM	30.96	33.02	10.14%			36.35		
ACV	86.20	TĂNG	GIẢM	84.10	84.12	2.50%			93.16		
ANV	22.00	TĂNG	TĂNG	18.90	20.36	16.40%		21.45	16.87	2.56%	
ASM	12.85	TĂNG	GIẢM	13.30	12.42	-3.38%			14.14		
BFC	27.40	GIẢM	GIẢM		27.90				28.92		
BHN	86.00	TĂNG	GIẢM	83.60	81.62	2.87%			101.13		
BID	35.20	TĂNG	TĂNG	25.80	33.26	36.43%		33.40	28.47	5.39%	
BMP	63.50	TĂNG	TĂNG	56.20	60.86	12.99%		63.50	62.30	0.00%	MUA
BSR	20.00	TĂNG	TĂNG	18.10	19.20	10.50%		20.00	19.99	0.00%	MUA
BVH	98.00	TĂNG	TĂNG	95.70	91.94	2.40%		86.00	79.57	13.95%	
BWE	20.00	TĂNG	TĂNG	17.70	18.97	12.99%		20.00	19.20	0.00%	MUA
CEO	14.00	TĂNG	GIẢM	13.40	13.33	4.48%			14.91		
CHP	22.80	GIẢM	TĂNG		23.16			23.50	22.03	-2.98%	
CSM	14.80	TĂNG	TĂNG	14.25	13.81	3.86%		14.39	12.77	2.85%	
CTD	166.00	TĂNG	TĂNG	149.50	162.27	11.04%		161.20	142.39	2.98%	
CTG	27.55	TĂNG	TĂNG	24.00	26.63	14.79%		28.10	22.62	-1.96%	
CTI	25.80	GIẢM	GIẢM		27.21				30.15		
CVT	28.60	TĂNG	GIẢM	27.05	26.27	5.73%			29.20		
DCM	11.00	TĂNG	TĂNG	10.16	10.63	8.25%		11.00	10.69	0.00%	MUA
DGW	27.30	TĂNG	TĂNG	23.90	25.88	14.23%		27.50	22.65	-0.73%	
DHA	29.10	TĂNG	TĂNG	28.20	28.47	3.19%		29.10	28.49	0.00%	MUA
DHC	42.30	GIẢM	TĂNG		48.47			44.60	37.07	-5.16%	
DHG	100.00	TĂNG	GIẢM	95.30	95.89	4.93%			104.17		
DPG	53.00	TĂNG	TĂNG	40.90	49.96	29.58%		52.00	42.03	1.92%	
DPM	19.40	TĂNG	TĂNG	18.10	18.74	7.18%		19.40	18.72	0.00%	MUA
DPR	37.70	TĂNG	GIẢM	37.50	36.96	0.53%			38.96		
DQC	29.40	TĂNG	GIẢM	29.55	27.96	-0.51%			30.33		
DRC	27.50	TĂNG	TĂNG	25.85	26.53	6.38%		24.30	23.82	13.17%	
DXG	30.10	TĂNG	TĂNG	28.80	28.58	4.51%		29.80	23.61	1.01%	
ELC	9.49	TĂNG	GIẢM	9.65	9.04	-1.66%			10.45		
FCN	16.60	TĂNG	TĂNG	16.45	16.09	0.91%		17.70	14.10	-6.21%	
FIT	4.15	TĂNG	GIẢM	4.27	4.10	-2.81%			4.98		
FMC	27.30	TĂNG	TĂNG	21.20	25.64	28.77%		24.70	23.18	10.53%	
FPT	46.30	TĂNG	TĂNG	44.55	44.78	3.93%		45.90	40.10	0.87%	
GAS	115.70	TĂNG	TĂNG	101.50	112.48	13.99%		103.00	92.87	12.33%	
GEX	28.75	GIẢM	TĂNG		29.11			30.10	25.97	-4.49%	
GIL	38.65	GIẢM	TĂNG		40.74			34.90	34.81	10.74%	



We Create Fortune

GMD	26.90	TĂNG	TĂNG	25.40	26.16	5.91%		27.30	22.87	-1.47%	
GTN	12.20	TĂNG	TĂNG	11.25	10.56	8.44%		11.20	9.83	8.93%	
HAG	6.13	GIẢM	TĂNG		6.47			6.19	5.86	-0.97%	
HAX	18.50	TĂNG	TĂNG	16.40	17.82	12.80%		18.50	18.40	0.00%	MUA
HBC	24.90	TĂNG	GIẢM	23.80	23.89	4.62%			26.74		
HDB	38.85	TĂNG	GIẢM	38.20	37.73	1.70%			42.32		
HNG	17.15	GIẢM	TĂNG		17.21			8.20	14.25	109.15%	
HPG	42.30	TĂNG	GIẢM	37.20	39.91	13.71%			42.50		
HSG	12.65	TĂNG	GIẢM	11.35	11.85	11.45%			13.04		
HT1	15.00	TĂNG	TĂNG	11.75	14.30	27.66%		13.00	12.02	15.38%	
HUT	5.90	TĂNG	GIẢM	5.80	5.45	1.72%			6.47		
HVN	41.30	TĂNG	TĂNG	41.30	39.33	0.00%		39.20	31.92	5.36%	
ITD	12.90	TĂNG	TĂNG	12.90	11.84	0.00%		12.40	11.14	4.03%	
KBC	12.70	TĂNG	GIẢM	12.40	12.32	2.42%			13.24		
KDH	34.00	TĂNG	TĂNG	30.30	32.51	12.21%		33.40	28.27	1.80%	
KSB	34.20	TĂNG	TĂNG	33.00	32.33	3.64%		34.20	33.01	0.00%	MUA
LCG	9.43	TĂNG	TĂNG	9.46	9.05	-0.32%		9.39	8.35	0.43%	
LDG	17.50	TĂNG	TĂNG	15.00	16.44	16.67%		16.50	12.14	6.06%	
LIX	49.50	TĂNG	TĂNG	41.20	47.00	20.15%		44.40	43.61	11.49%	
LPB	10.40	TĂNG	GIẢM	9.50	9.56	9.47%			10.88		
LSS	6.94	TĂNG	GIẢM	7.22	6.83	-3.88%			7.75		
MSN	92.80	GIẢM	TĂNG		94.90			90.60	81.25	2.43%	
MWG	127.20	TĂNG	TĂNG	122.00	122.12	4.26%		121.00	107.68	5.12%	
NKG	14.90	TĂNG	GIẢM	13.70	14.15	8.76%			15.54		
NLG	32.60	TĂNG	TĂNG	31.75	30.88	2.68%		32.40	27.54	0.62%	
NT2	26.35	TĂNG	GIẢM	25.74	25.61	2.38%			27.15		
NTL	9.99	TĂNG	TĂNG	10.35	9.72	-3.48%		10.45	8.94	-4.40%	
NTP	49.40	TĂNG	TĂNG	51.50	47.16	-4.08%		51.50	41.38	-4.08%	
PAC	44.50	TĂNG	TĂNG	40.20	42.13	10.70%		44.10	38.28	0.91%	
PC1	28.50	TĂNG	TĂNG	26.15	27.07	8.99%		28.50	28.42	0.00%	MUA
PDR	27.50	TĂNG	GIẢM	26.50	25.42	3.77%			28.77		
PGC	14.75	TĂNG	GIẢM	14.35	14.36	2.79%			15.41		
PHR	26.60	TĂNG	TĂNG	21.90	25.87	21.46%		24.00	22.85	10.83%	
PLX	71.00	TĂNG	TĂNG	60.50	70.08	17.36%		68.00	61.09	4.41%	
PNJ	105.50	TĂNG	TĂNG	103.50	98.70	1.93%		103.90	86.95	1.54%	
POW	16.70	TĂNG	TĂNG	13.00	15.11	28.46%		14.10	13.30	18.44%	
PPC	20.10	TĂNG	TĂNG	18.50	19.38	8.65%		20.10	19.21	0.00%	MUA
PTB	63.40	TĂNG	TĂNG	62.40	59.69	1.60%		64.00	53.16	-0.94%	
PVD	20.70	TĂNG	TĂNG	15.75	18.55	31.43%		16.35	13.84	26.61%	
PVI	33.70	TĂNG	TĂNG	29.90	31.67	12.71%		33.00	28.37	2.12%	
PVS	23.20	TĂNG	TĂNG	17.00	22.26	36.47%		20.90	18.30	11.00%	
PXS	7.00	TĂNG	TĂNG	6.17	6.53	13.45%		6.19	5.11	13.09%	
RAL	102.00	TĂNG	TĂNG	91.00	95.77	12.09%		103.60	80.99	-1.54%	

We Create Fortune

REE	36.90	TĂNG	TĂNG	36.70	35.62	0.54%		36.40	31.68	1.37%	
SAB	222.50	TĂNG	GIẢM	208.00	216.48	6.97%			233.02		
SAM	7.90	TĂNG	TĂNG	7.16	7.73	10.34%		7.75	7.06	1.94%	
SBV	25.00	TĂNG	GIẢM	26.20	23.39	-4.58%			26.95		
SCR	9.75	TĂNG	GIẢM	9.47	9.32	2.96%			10.30		
SHI	6.27	TĂNG	TĂNG	6.27	6.24	0.00%	MUA	6.99	5.88	-10.30%	
SJS	19.55	GIẢM	GIẢM		20.12				21.87		
SKG	24.75	TĂNG	TĂNG	23.70	23.55	4.43%		23.10	21.13	7.14%	
SSI	33.50	TĂNG	GIẢM	29.55	32.02	13.37%			34.19		
STB	13.50	TĂNG	TĂNG	11.20	12.13	20.54%		13.50	12.71	0.00%	MUA
SVC	44.90	TĂNG	GIẢM	44.90	43.97	0.00%	MUA		47.58		
TCB	29.15	TĂNG	GIẢM	26.60	27.87	9.59%			N/A		
TCM	28.40	TĂNG	TĂNG	17.80	27.92	59.55%		21.60	24.40	31.48%	
TDH	12.10	TĂNG	GIẢM	11.75	11.45	2.98%			12.71		
TLH	7.61	TĂNG	GIẢM	7.49	7.46	1.60%			7.98		
TMT	9.84	TĂNG	TĂNG	9.84	9.82	0.00%	MUA	9.29	7.09	5.92%	
TNG	17.50	TĂNG	TĂNG	10.80	16.52	62.04%		12.00	12.47	45.83%	
TYA	10.25	GIẢM	GIẢM		10.68				11.81		
VCB	63.00	TĂNG	TĂNG	64.00	62.58	-1.56%		64.60	55.41	-2.48%	
VFG	36.20	GIẢM	TĂNG		37.11			34.39	32.56	5.25%	
VGC	19.10	TĂNG	GIẢM	17.90	18.47	6.70%			21.13		
VHM	106.00	TĂNG	N/A	106.00	105.71	0.00%	MUA				
VIB	29.50	TĂNG	GIẢM	27.90	27.85	5.73%			N/A		
VIC	98.30	GIẢM	TĂNG		101.62			111.50	92.44	-11.84%	
VIP	7.10	TĂNG	GIẢM	7.12	6.80	-0.28%			7.29		
VJC	151.50	GIẢM	TĂNG		154.02			156.00	130.21	-2.88%	
VNM	137.30	TĂNG	GIẢM	132.00	133.82	4.02%			139.87		
VPB	26.80	TĂNG	GIẢM	25.80	25.05	3.88%			30.02		
VRC	24.95	TĂNG	TĂNG	17.75	21.92	40.56%		19.35	19.68	28.94%	
VRE	41.90	TĂNG	GIẢM	39.50	39.27	6.08%			43.79		
VSC	41.50	TĂNG	TĂNG	42.90	40.94	-3.26%		35.30	35.98	17.56%	
VSH	17.60	GIẢM	TĂNG		17.61			17.40	16.64	1.15%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1,017.13	0.17
VN30	994.73	0.53
VN Mid	1,073.46	0.01
VN Small	863.99	(0.14)

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	116.28	0.17
HN30	215.36	(0.42)
VNX AllSh	1,433.57	0.24

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	54.21	0.03

GDKN	GTGD (tỷ VND)
Mua	1,397.90
Bán	1,177.28
GT rỗng	220.62

GDKN	GTGD (tỷ VND)
Mua	22.13
Bán	16.06
GT rỗng	6.07

GDKN	GTGD (tỷ VND)
Mua	68.72
Bán	58.61
GT rỗng	10.11

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTS	800	6.81%
SFG	850	6.80%
STB	850	6.72%
BSI	850	6.69%
GTN	700	6.09%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NVB	200	2.22%
VIX	100	1.23%
PVI	400	1.20%
SHB	100	1.11%
DBC	300	1.03%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NHH	12000	15.00%
POW	500	3.09%
LPB	300	2.97%
VIB	600	2.08%
HVN	600	1.47%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SJF	-1,600	-6.81%
TCM	-1,450	-4.86%
STK	-800	-4.21%
IDI	-450	-3.26%
VPH	-240	-3.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	-1,800	-3.77%
DHT	-1,300	-3.19%
PVS	-700	-2.93%
TV2	-3,500	-2.45%
VGC	-400	-2.05%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VNB	-1500	-7.89%
BSR	-900	-4.31%
VGG	-1700	-2.80%
TDM	-500	-2.50%
MPC	-1000	-1.98%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng
VIC	313,736
VHM	284,039
VNM	239,099
VCB	226,659
GAS	221,444

GTVH cao nhất	Tỷ đồng
ACB	42,528
VCS	15,360
SHB	10,948
PVS	10,363
VGC	8,563

GTVH cao nhất	Tỷ đồng
ACV	187,669
BSR	62,010
MCH	54,894
HVN	51,629
POW	39,109

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
STB	27.26	6.45
HPG	9.62	5.69
VPB	8.10	4.41
FLC	7.02	9.87
ASM	6.54	5.03

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	11.63	8.61
PVS	5.55	6.09
ACB	3.78	4.48
HUT	3.29	2.01
VCG	2.73	1.64

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
BSR	6.11	2.80
POW	5.98	2.06
LPB	3.89	1.55
ART	3.58	
OIL	1.59	1.10

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

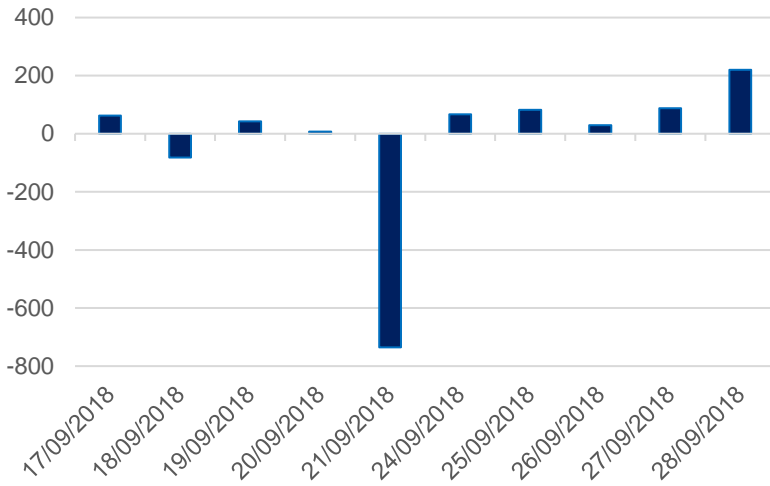
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

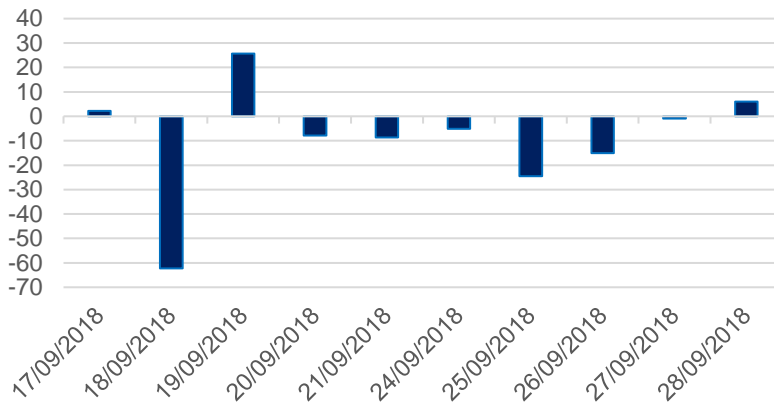
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
HPG	146,696	VCB	(65,644)
STB	129,697	VJC	(54,415)
VRE	64,485	VIC	(34,846)
DXG	26,971	VHM	(31,710)
BID	21,153	VNM	(25,688)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

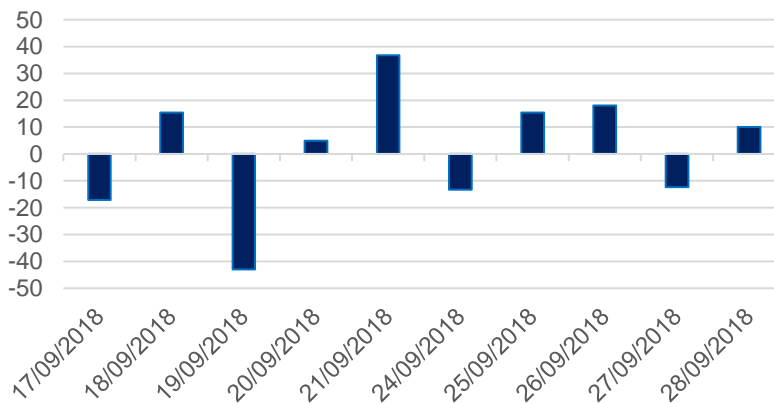
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
PVS	11,006	VGC	(2,523)
CEO	953	PVB	(2,423)
SHB	775	CSC	(1,076)
VCG	437	ART	(1,058)
VNR	435	DBC	(550)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
POW	40,394	BSR	(18,849)
HVN	975	VEA	(9,336)
MPC	739	VGI	(3,096)
BCM	550	LPB	(2,386)
GEG	508	ACV	(561)

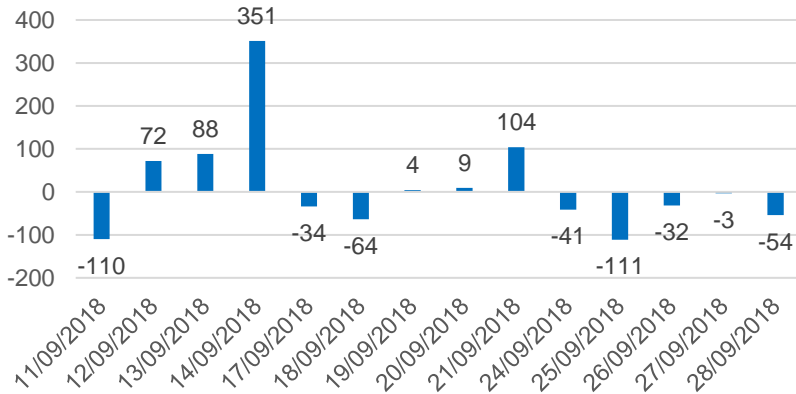
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

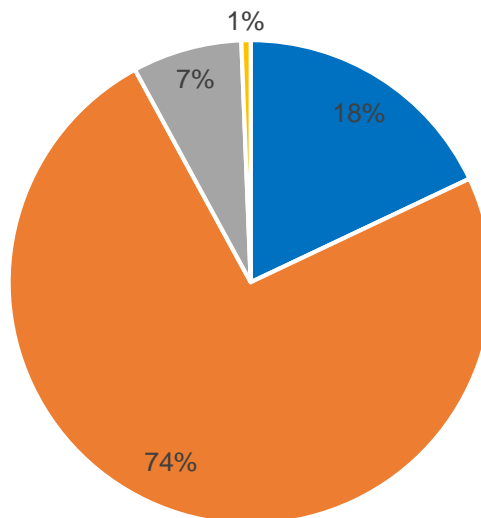


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
NVL	35,538	NVL	33,352
MWG	17,099	HPG	12,817
HPG	17,003	MBB	9,246
SSI	9,406	E1VFN30	9,075
VIC	8,705	DIG	8,508

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



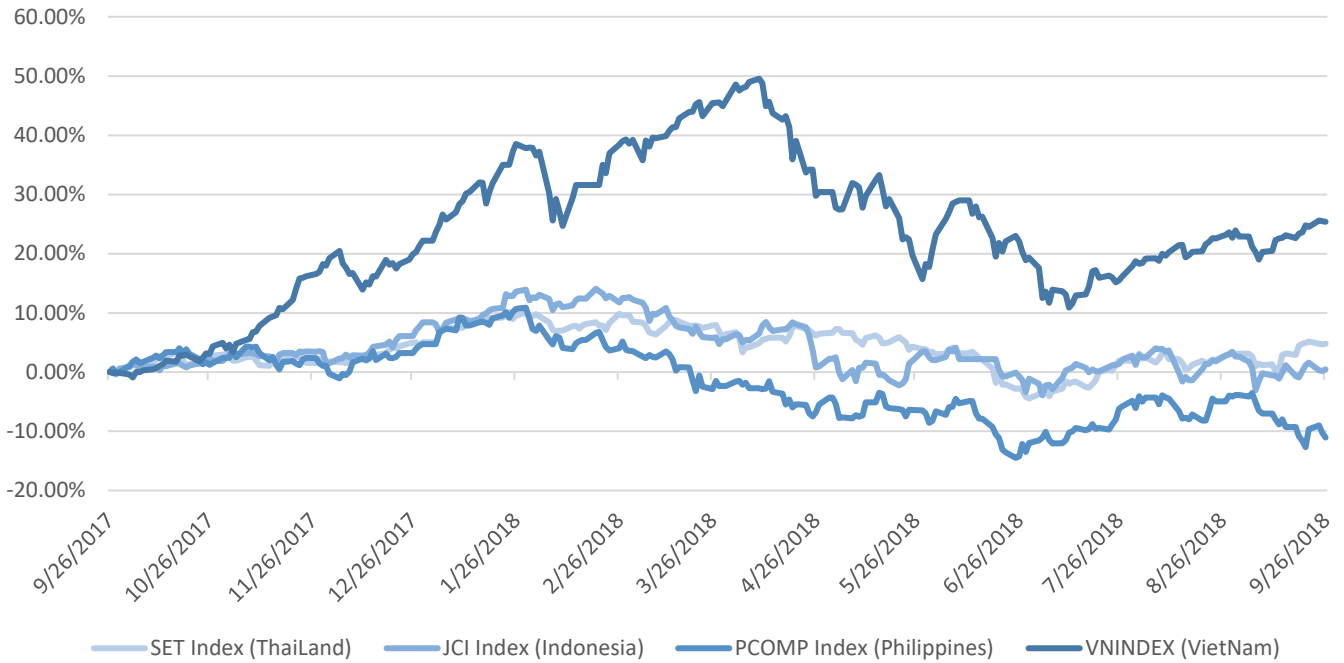
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

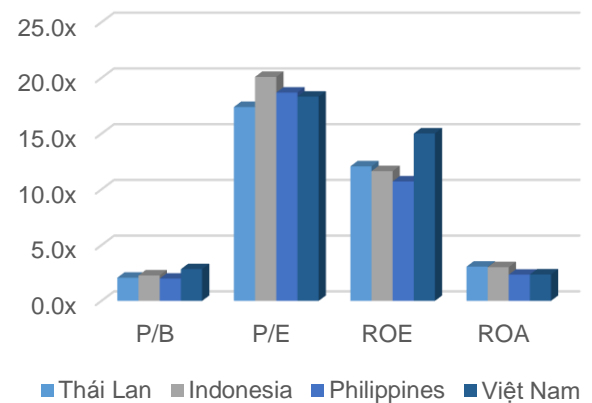
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.1x	2.3x	2.0x	2.9x
P/E		17.4x	20.1x	18.7x	18.3x
ROE	%	12.07	11.64	10.72	15.02
ROA	%	3.08	3.03	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	546.60	450.10	170.59	139.30
GTGD	Triệu USD	1.76	0.35	0.06	0.18
LS cổ tức	%	3.01	2.27	1.62	2.07

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written